

Số: /2020/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Thực hiện ý kiến của Thường trực hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 493/HĐND-VP ngày 28 tháng 8 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2979/TTr-STC ngày 31 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển nhất định thuộc địa giới hành chính trên biển của tỉnh Bến Tre cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

b) Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí; khai thác thủy sản; cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản; giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

c) Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của

Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên biển và Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

b) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Các hoạt động sử dụng biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển và mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Các hoạt động sử dụng biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển.

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu.

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện.

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, cồn nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển.

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, và các cảng, bến khác (gồm: Vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ.

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét.

e) Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.

2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển quy định tại khoản 1 Điều này là 7.000.000 đồng/ha/năm.

3. Trường hợp trên cùng một không gian biển có nhiều tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện đối với từng tổ chức, cá nhân tương ứng với từng

loại hoạt động sử dụng khu vực biển. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển thực hiện theo khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển sử dụng vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển thực hiện theo khoản 2 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thi hành Quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và xác định các nghĩa vụ tài chính mà các tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

3. Căn cứ vào tiền sử dụng khu vực biển ghi trong quyết định giao khu vực biển, Cục thuế ban hành thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP (để kiểm tra);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng Khởi;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Ban Tiếp dân (để niêm yết);
- Phòng: TCĐT, TH, KT;
- Lưu: VT, Ph.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng